

Bản án số 17/2020/HS-ST
Ngày 07 tháng 5 năm 2020

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN G, TỈNH N

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Q.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hoàng Quốc T, bà Nguyễn Thị Thu H.

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Trần Thị H - Thư ký Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh N.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện G, tỉnh N tham gia phiên tòa: Bà Vũ Như Tr - Kiểm sát viên.

Ngày 07/5/2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh N, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 09/2020/TLST- HS ngày 04/3/2020, theo QuyếtĐ đưa vụ án ra xét xử số 17/2020/QĐXXST- HS ngày 26 tháng 3 năm 2020, đối với bị cáo:

Nguyễn Văn Đ, tên gọi khác: Không, sinh năm: 1979 tại xã Phú Lộc, huyện N, tỉnh N. Nơi cư trú: Thôn T, xã Phú Lộc, huyện N, tỉnh N. Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không. Nghề nghiệp: Lao động tự do. Giới tính: Nam. Trình độ văn hóa: Lớp 9/12. Con ông Nguyễn Xuân Bình và bà Vũ Thị Thơm; có vợ là Phạm Thị Hiền(đã ly hôn) và 03 con lớn nhất sinh năm 2001, nhỏ nhất sinh năm 2015. Tiền án, tiền sự; Không.

Nhân thân:

- Bản án số 28/2006/HSST ngày 25/8/2006 của Tòa án nhân dân huyện N, N xử phạt 06 tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách 12 tháng về tội “Đánh bạc”. Chấp hành xong ngày 08/12/2010.

- Bản án số 460/2013/HSST ngày 29/11/2013, Tòa án nhân dân Thành phố Hà Nội xử phạt 20 tháng 17 ngày tù về tội “Trộm cắp tài sản” (xác định Nguyễn Văn Đ đã chấp hành xong hình phạt tù - trả tự do ngay tại phiên tòa). Chấp hành xong Bản án ngày 01/7/2014.

- Ngày 10/12/2009, phòng Cảnh sát điều tra tội phạm về trật tự xã hội Công an tỉnh N ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính, hình thức phạt tiền về hành vi không thực hiện đủ các điều kiện về kinh doanh có điều kiện, theo QuyếtĐ số 22/QĐ-XPVPHC. Chấp hành xong ngày 10/12/2009.

- Ngày 21/7/2015, Công an huyện N, N ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính, hình thức phạt cảnh cáo về hành vi “Sử dụng trái phép chất ma túy” theo Quyết định số 26/QĐ-XPHC.

Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 05/01/2020 chuyển tạm giam từ ngày 08/01/2020 tại Trại tạm giam Công an tỉnh N cho đến nay. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

Người làm chứng: Các anh Nguyễn Anh T, Nguyễn Anh T. Điều vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Văn Đ là người sử dụng ma túy từ năm 2018 đến nay. Khoảng 21 giờ ngày 05/01/2020, Đ đi bộ từ nhà ra đường trục thôn của xã Phú Lộc, huyện N và đón xe taxi (Định không nhớ hãng taxi và Biển kiểm soát) đến cầu Đoan Vỹ, thuộc địa phận xã T, huyện T, tỉnh H mục đích tìm mua ma túy để sử dụng. Khi đi qua cầu Đ khoảng 03 km về hướng H, Đ yêu cầu lái xe dừng xe lại bên phải đường, rồi bảo người lái xe đứng chờ, còn Đ xuống xe đi bộ sang bên trái đường. Tại đây, Đ gặp và mua của một người đàn ông không quen biết đang đứng ở bên đường 01 túi nilon màu trắng kích thước (1,5x1,5)cm, bên trong đựng các tinh thể màu trắng với số tiền 300.000 đồng. Đ không mở ra kiểm tra nhưng xác định đó là ma túy nên bỏ vào túi quần bên phải phía trước đang mặc rồi quay lại lên xe taxi đi về khu vực huyện G để tìm nơi sử dụng ma túy. Khoảng 22 giờ 10 phút cùng ngày, khi xe taxi chở Đ đến trước cổng nhà nghỉ Phương Thảo, thuộc địa phận xã G, huyện G, Đ xuống xe và đi bộ vào bên trong sân nhà nghỉ Phương Thảo thì gặp Tổ công tác Công an huyện G phối hợp với Công an xã G tiến hành tuần tra kiểm soát trên địa bàn yêu cầu kiểm tra. Biết không thể che giấu được hành vi cất giấu trái phép chất ma túy của mình, Nguyễn Văn Đ đã tự nguyện giao nộp cho Tổ công tác 01 túi nilon màu trắng, kích thước (1,5x1,5) cm bên trong chứa các tinh thể màu trắng và khai nhận đó là ma túy Đ mua về để sử dụng cho bản thân. Tổ công tác tiến hành lập biên bản, niêm phong túi ma túy thu giữ của Đ có đặc điểm nêu trên. Ngoài ra còn thu giữ của Nguyễn Văn Đ 01 điện thoại Nokia vỏ màu đen, đã qua sử dụng và số tiền 50.000 đồng.

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện G đã tiến hành niêm phong 01 túi nilon màu trắng bên trong chứa các tinh thể màu trắng thu giữ của Nguyễn Văn Đ ký hiệu M, để gửi đi xác Đ trọng lượng và giám Đ chất ma túy.

Tại bản Kết luận luận giám định số 50/KLGD-PC09-MT ngày 07/01/2020 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh N: **Mẫu chất dạng tinh thể màu trắng gửi giám Đ ký hiệu M có khối lượng 0,4358 gam là ma túy, loại Methamphetamine.**

Methamphetamine là chất ma túy, thuộc bảng danh mục II, số thứ tự 323, Nghị Đ 73/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ.

Viện kiểm sát nhân dân huyện G đã ra quyết định chuyển: 01 phong bì niêm phong theo quy định của pháp luật do Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh N bàn giao sau giám định, trên phong bì ghi số 50/KLGD-PC09-MT, bên trong gồm: mẫu chất dạng tinh thể màu trắng còn lại trong mẫu gửi giám định ký hiệu M có khối lượng 0,2739 gam, là ma túy, loại Methamphetamine; 01 phong bì niêm phong theo quy định pháp luật, đựng vật chứng còn lại sau khi cân xác định khối lượng gồm: 01 vỏ túi nilon màu trắng kích thước (1,5x1,5) cm và 01 vỏ phong bì niêm phong

vật chứng ban đầu; 01 điện thoại Nokia 1200 vỏ màu đen, đã qua sử dụng, đến kho vật chứng của Chi cục Thi hành án dân sự huyện G. Chuyển số tiền 50.000 đồng đến tài khoản tạm giữ của Chi cục Thi hành án dân sự huyện G, để giải quyết theo quyếtĐ của pháp luật.

Quá trình điều tra, bị cáo Đ đã khai nhận hành vi phạm tội như đã nêu trên.

Tại Bản cáo trạng số 15/CT-VKS-GV ngày 03/3/2020, Viện kiểm sát nhân dân huyện G đã truy tố Nguyễn Văn Đ ra trước Tòa án nhân dân huyện G để xét xử về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”, theo điểm c khoản 1 Điều 249 của Bộ luật Hình sự(BLHS).

Quá trình điều tra vụ án và tại phiên tòa bị cáo, người tham gia tố tụng khác không có ý kiến khiếu nại gì về kết luận giám định và Bản cáo trạng nêu trên.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện G thực hành quyền công tố vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo như nội dung Bản cáo trạng. Sau khi luận tội đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn Đ phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”. Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; các điểm r, s khoản 1 Điều 51, Điều 47 Bộ luật Hình sự(BLHS); Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự(BLTTHS). Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn Đ từ 18 tháng tù đến 24 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giữ 05/01/2020; Tịch thu tiêu hủy 01 phong bì niêm phong theo quyĐ của pháp luật do Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh N bàn giao sau giám định, trên phong bì ghi số 50/KLGD-PC09-MT, bên trong gồm: mẫu chất dạng tinh thể màu trắng còn lại trong mẫu gửi giámĐ ký hiệu M có khối lượng 0,2739 gam, là ma túy, loại Methamphetamine; 01 phong bì niêm phong theo quy định pháp luật, đựng vật chứng còn lại sau khi cân xácĐ khối lượng gồm: 01 vỏ túi nilon màu trắng kích thước (1,5x1,5) cm và 01 vỏ phong bì niêm phong vật chứng ban đầu; trả lại cho bị cáo Đ 01 điện thoại di động Nokia 1200 vỏ màu đen, đã qua sử dụng và số tiền 50.000 đồng nhưng tiếp tục quản lý để đảm bảo thi hành án; bị cáoĐ phải nộp án phí theo luật định.

Tại phiên tòa bị cáo nhận tội và không có ý kiến tranh luận gì. Được nói lời sau cùng, bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an huyện G, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện G, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục được quy định trong Bộ luật Tố tụng Hình sự; quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có ý kiến khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Phân tích các chứng cứ xác định có tội: Tại phiên tòa bị cáo Nguyễn Văn Đ khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Lời nhận tội của bị cáo cùng các chứng cứ khác thể hiện rõ: Do mắc nghiện ma túy từ năm 2018, để có ma túy đáp ứng nhu cầu của bản thân nên khoảng 21 giờ ngày 05/01/2020,Đ đón xe taxi (Đ không nhớ hãng taxi và Biển kiểm soát) đến khu vực qua cầu Đoàn Vỹ khoảng

3km hướng đi H thuộc địa phận xã T, huyện T, tỉnh H Đ yêu cầu dừng xe bên phải đường rồi xuống đi bộ sang bên trái đường mục đích tìm mua ma túy để sử dụng. Tại đây, Đ gặp và mua của một người đàn ông không quen biết đang đứng ở bên đường 01 túi nilon màu trắng kích thước (1,5x1,5)cm, bên trong đựng các tinh thể màu trắng với số tiền 300.000 đồng. Đ không mở ra kiểm tra nhưng xác định đó là ma túy đá nên bỏ vào túi quần bên phải phía trước đang mặc rồi quay lại lên xe taxi đi về. Khoảng 22 giờ 10 phút cùng ngày, khi xe taxi chở Đ đến trước cổng nhà nghỉ Phương Thảo, thuộc địa phận xã G, huyện G, Đ xuống xe và đi bộ vào bên trong sân nhà nghỉ Phương Thảo thì gặp Tổ công tác Công an huyện G phối hợp với Công an xã G đang làm nhiệm vụ. Biết không thể che giấu được hành vi cất dấu trái phép chất ma túy của mình, Nguyễn Văn Đ đã tự nguyện giao nộp cho Tổ công tác 01 túi nilon màu trắng, kích thước (1,5x1,5) cm bên trong chứa các tinh thể màu trắng và khai nhận đó là ma túy Đ mua về để sử dụng cho bản thân. Tổ công tác tiến hành lập biên bản, niêm phong túi ma túy thu giữ của Đ có đặc điểm nêu trên.

Rõ ràng bị cáo đã có hành vi cất dấu 0,4358 gam ma túy, loại Methamphetamine đúng như kết luận giám định, Bản cáo trạng đã mô tả nhằm để sử dụng. Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, với lời khai của người làm chứng, với biên bản vụ việc, vật chứng của vụ án đã được thu giữ và phù hợp với các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, đã có đủ cơ sở kết luận hành vi của bị cáo đã phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”. Căn cứ tính chất, mức độ, nhân thân của bị cáo, khối lượng Methamphetamine mà bị cáo tàng trữ, Viện kiểm sát nhân dân huyện G truy tố bị cáo theo điểm c khoản 1 Điều 249 của BLHS là hoàn toàn đúng người, đúng tội, đúng quy định của pháp luật.

[3]. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến chế độ độc quyền quản lý của Nhà nước đối với các chất ma túy.

[4]. Bản thân bị cáo là người đã thành niên nhưng không chịu tu dưỡng, rèn luyện, học tập mà sớm sa vào con đường nghiện ngập ma túy dẫn đến phạm tội. Ma túy là một tệ nạn mà Nhà nước ta đang ra sức loại trừ, vì ma túy mà nhiều gia đình bị khuynh gia bại sản, vợ chồng ly tán. Ma túy một mặt ảnh hưởng trực tiếp đến sức khỏe của người sử dụng, mặt khác ảnh hưởng đến sự phát triển của giống nòi, là hiểm họa gây nên căn bệnh HIV/AIDS, đồng thời là nguyên nhân gây nên một loạt các loại tội phạm khác.

[5]. Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo Đ không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nhưng là người có nhân thân xấu.

[6]. Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, bị cáo đã tự thú thể hiện khi thấy lực lượng Công an làm nhiệm vụ yêu cầu kiểm tra, bị cáo đã tự nguyện giao nộp số ma túy mà bị cáo cất dấu và khai báo rõ về hành vi phạm tội. Đó là những tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm r, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Trên cơ sở các tình tiết tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, xét bị cáo là người có nhân thân xấu nên cần có một hình phạt thật nghiêm minh đối với bị cáo bằng việc cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian mới đủ để

cải tạo, giáo dục bị cáo trở thành người có ích cho gia đình, xã hội đồng thời góp phần răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung.

[7]. Về hình phạt bổ sung: Xét điều kiện hoàn cảnh bản thân của bị cáo là con nghiện, việc tâng trữ ma túy chỉ nhằm mục đích sử dụng cho bản thân, nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[8]. Về xử lý vật chứng: Đối với 01 phong bì niêm phong theo quy định của pháp luật do Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh N bàn giao sau giám định, trên phong bì ghi số 50/KLGD-PC09-MT, bên trong gồm: mẫu chất dạng tinh thể màu trắng còn lại trong mẫu gửi giám định ký hiệu M có khối lượng 0,2739 gam, là ma túy, loại Methamphetamine; 01 phong bì niêm phong theo quy định pháp luật, đựng vật chứng còn lại sau khi cân xác định khối lượng gồm: 01 vỏ túi nilon màu trắng kích thước (1,5x1,5) cm và 01 vỏ phong bì niêm phong vật chứng ban đầu là vật chứng của vụ án không còn giá trị sử dụng nên cần tịch thu tiêu hủy.

Đối với 01 điện thoại Nokia vỏ màu đen đã qua sử dụng và số tiền 50.000 đồng là tài sản hợp pháp của Nguyễn Văn Đ, không liên quan đến hành vi phạm tội, cần trả lại cho Đ nhưng tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

Đối với người đàn ông đã bán ma túy cho bị cáo Đ ở khu vực xã T, huyện T, tỉnh H, bị cáo Đ khai không biết tên tuổi, địa chỉ của người này. Cơ quan điều tra Công an huyện G đã tiến hành điều tra xác minh, nhưng không xác định được. Do đó, không có căn cứ để xử lý trong vụ án này.

[9] **Về án phí:** Bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

[10] **Về quyền kháng cáo:** Bị cáo có quyền kháng cáo theo luật định.

Vì các lẽ trên đây:

QUYẾT ĐỊNH

1. Căn cứ vào điểm c khoản 1 Điều 249; các điểm r, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự : Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn Đ phạm tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy". Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn Đ 18 (Mười tám) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giữ 05/01/2020.

2. Về xử lý vật chứng: Căn cứ vào Điều 47 BLHS; Điều 106 BLTTHS:

- Tịch thu tiêu hủy 01 phong bì niêm phong theo quy định của pháp luật do Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh N bàn giao sau giám định, trên phong bì ghi số 50/KLGD-PC09-MT, bên trong gồm: mẫu chất dạng tinh thể màu trắng còn lại trong mẫu gửi giám Đ ký hiệu M có khối lượng 0,2739 gam, là ma túy, loại Methamphetamine; 01 phong bì niêm phong theo quy Đ pháp luật, đựng vật chứng còn lại sau khi cân xác định khối lượng gồm: 01 vỏ túi nilon màu trắng kích thước (1,5x1,5) cm và 01 vỏ phong bì niêm phong vật chứng ban đầu.

- Trả lại cho bị cáo Đ 01 điện thoại di động Nokia 1200 vỏ màu đen, đã qua sử dụng và số tiền 50.000 đồng nhưng tiếp tục quản lý để đảm bảo thi hành án.

(Đặc điểm chi tiết các vật chứng theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 04/3/2020 giữa Chi cục Thi hành án dân sự huyện G và Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện G).

3. Về án phí: Căn cứ vào Điều 136 BLTTHS; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội. Buộc

bị cáo Nguyễn Văn Đ phải nộp 200.000 (Hai trăm ngàn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Người phải thi hành án, có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quyĐ tại các Điều 7, 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật Thi hành án dân sự. Án xử công khai sơ thẩm, bị cáo có mặt có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhân:

- TAND tỉnh N;
- VKSND tỉnh N;
- VKSND huyện G;
- Trại tạm giam CA tỉnh N;
- Công an huyện G;
- Chi cục THADS huyện G;
- Bị cáo, người tham gia tố tụng khác;
- Lưu HS, VP;

(Thông báo cho chính quyền
Địa phương nơi bị cáo cư trú).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

NGUYỄN HỮU Q